

BÁO CÁO
Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2022

Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; Quyết định 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đính chính Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 752/SGDĐT-GDTrHTX ngày 09/8/2022 của Sở GDĐT Hà Nam chỉ đạo việc thực hiện phổ cập giáo dục, xoá mù chữ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2022, như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Kim Bảng là một huyện thuộc vùng bán sơn địa nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Nam có 18 đơn vị (16 xã, 02 thị trấn). Dân số toàn huyện khoảng 124.278 người/36.125 hộ trong đó số nữ khoảng 59.114 người, mật độ dân số trung bình là 719 người/km². Dân cư phân bố không đều giữa hai vùng tả ngạn và hữu ngạn sông Đáy. Dân cư ở thành thị khoảng 11.1270 người chiếm 9%, nông thôn 113.008 người chiếm 91%. Nhân khẩu trong độ tuổi lao động hiện nay có 66,68 nghìn người, chiếm 52,65% dân số, trong đó lao động nông nghiệp khoảng trên 50 nghìn người, còn lại là lao động phi nông nghiệp. Lực lượng lao động có trình độ khoa học kỹ thuật còn thấp. Tỷ lệ người có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật là 3,74%; trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên: 4,05%. Một số xã có người theo đạo Thiên Chúa sinh sống như Liên Sơn, Tân Sơn, Lê Hồ, Hoàng Tây toàn huyện có 18 trường mầm non, 18 trường tiểu học, 18 trường THCS, 4 trường THPT, 18 trung tâm học tập cộng đồng, 1 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Nhân dân Kim Bảng có truyền thống hiếu học, ham hiểu biết, có ý chí vươn lên mọi khó khăn để xây dựng quê hương văn minh, giàu đẹp. Một trong những thành tựu nổi bật của Kim Bảng là công tác xã hội hoá giáo dục. Đảng bộ và nhân dân Kim Bảng luôn quan tâm chăm lo đến phát triển sự nghiệp giáo dục; nhiều Chỉ thị, Nghị quyết được xây dựng và thực hiện có hiệu quả: "Xây dựng trường cao tầng, lớp kiên cố theo hướng trường chuẩn Quốc gia; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng trí dục các cấp học". Dân trí và trình độ văn hóa xã hội của người dân phát triển khá cao, thu nhập và đời sống của đa số dân cư đã được cải thiện và nâng cao đáng kể. Giáo viên các cấp được bố trí đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn, đồng đều về chất lượng, thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; công tác quản lý giáo dục được quan tâm và từng bước đổi mới sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

Huyện Kim Bảng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 và đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, đạt các tiêu chí PCGD ở các cấp học và xoá mù chữ như sau:

- GD Mầm non: được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi năm 2013 (các tiêu chí theo Thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT ngày 02/12/2010; Thông tư số 36/2013/TT-BGDĐT ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); đạt các tiêu chí chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi (các tiêu chí theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ).

- GD Tiểu học: đạt chuẩn phổ cập GD Tiểu học đúng độ tuổi năm 1999 (các tiêu chí theo Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngày 04/12/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); Bộ GD&ĐT công nhận đạt phổ cập GDTH đúng độ tuổi mức độ 1 năm 2011, đạt chuẩn phổ cập GDTH đúng độ tuổi mức độ 2 năm 2013; đạt các tiêu chí chuẩn phổ cập GD Tiểu học mức độ 3 năm 2015 (theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ). Đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3

- GD Trung học cơ sở: đạt chuẩn phổ cập GD THCS năm 2002 (các tiêu chí theo Quyết định số 26/2001/QĐ-BGDĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); đạt các tiêu chí chuẩn phổ cập GD THCS mức độ 2 năm 2015, mức độ 3 năm 2016 và năm 2017 (các tiêu chí theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ);

- Xoá mù chữ: đạt các tiêu chí xoá mù chữ mức độ 2 (các tiêu chí theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ).

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Công tác chỉ đạo và hoạt động của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ các cấp.

1. Căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện phổ cập giáo dục, xoá mù chữ (PCGD-XMC) của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Hà Nam:

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ;

Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ;

Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ;

Quyết định 67/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Xoá mù chữ đến năm 2020”;

Kế hoạch số 931/KH-SGDĐT ngày 14/7/2014 của Sở GDĐT Hà Nam triển khai hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC từ năm học 2014-2015;

Công văn số 1219/BCĐPCGD-XMC ngày 16/8/2016 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. UBND huyện Kim Bảng đã kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ của huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) làm Phó trưởng ban thường trực, các uỷ viên

là đại diện lãnh đạo phòng, ban cơ quan chuyên môn, tổ chức chính trị xã hội của huyện.

3. Phòng GDĐT là bộ phận thường trực của BCD phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của huyện, đã tích cực tham mưu với UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện ban hành các văn bản, về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ PCGD-XMC và chỉ đạo Ban chỉ đạo các xã/thị trấn, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện:

Quyết định số 5782/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND huyện Kim Bảng về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ huyện Kim Bảng;

Công văn số 532/PGDĐT-PCGD ngày 31/8/2018 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh hồ sơ phổ cập tên gọi mới của các thôn, tổ dân phố của các xã, thị trấn;

Công văn số 508/PGDĐT-PCGD ngày 04/8/2022 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ cập giáo dục và triển khai hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm học 2022-2023;

Kế hoạch số 607/PGDĐT-PCGD ngày 22/9/2022 của Phòng GDĐT ban hành kế hoạch kiểm tra công tác PCGD, XMC năm học 2022-2023;

Quyết định số 764/QĐ-PGDĐT ngày 01/11/2022 của Phòng GDĐT về việc thành lập đoàn kiểm tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm học 2022-2023;

Quyết định số 4989 /QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND huyện Kim Bảng về việc công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn PGCD, XMC năm 2022.

4. Phòng GDĐT chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện kế hoạch PCGD, hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch, theo dõi tiến độ thực hiện PCGD, kịp thời rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc; phối hợp với các phòng ban có liên quan để thực hiện việc xây dựng, bổ sung và sửa chữa CSVG, đảm bảo đủ các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ trường chuẩn quốc gia theo quy định, nhằm thực hiện tốt các tiêu chuẩn PCGD của các cấp học. Năm 2022, 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn huyện Kim Bảng đều đã đạt chuẩn Quốc gia.

Ban chỉ đạo PCGD-XMC các cấp được kiện toàn, có sự phân công nhiệm vụ đối với các thành viên, chỉ đạo các ngành có liên quan thực hiện nhiệm vụ PCGD-XMC ở cấp huyện, xã.

II. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của huyện Kim Bảng tại thời điểm tháng 10 năm 2022

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

*** Kết quả:**

- Số trẻ em 5 tuổi đến lớp: 2481/2481 (đạt tỉ lệ 100%); số trẻ em hoàn thành chương trình GDMN: 2330/2330 (đạt tỉ lệ 100%); số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 1/1 (đạt tỉ lệ 100%);

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi: 18/18 đơn vị (đạt tỉ lệ 100%).

- Huyện đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

*** Điều kiện đảm bảo:**

+ Về đội ngũ giáo viên và nhân viên:

- 100% số giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành;

- Đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định. Các cơ sở giáo dục mầm non trong toàn huyện đều phân công cán bộ, giáo viên theo dõi PCGD, XMC tại địa bàn.

- 100% số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi: đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 72 của Luật Giáo dục năm 2019; đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ *Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:*

- Huyện có mạng lưới cơ sở giáo dục thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm đưa đón trẻ thuận lợi, an toàn; Toàn huyện có 18/18 trường công lập đạt chuẩn quốc gia.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tập trung ưu tiên các nguồn lực đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Các cơ sở GDMN đều đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, cụ thể:

+ Số phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ) cho lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt tỷ lệ 1,0 phòng học/lớp; phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi được xây kiên cố, an toàn, trong đó có phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5m²/trẻ; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.¹

+ Các trường mầm non đều chú trọng việc tăng cường các điều kiện về cơ sở vật chất, mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học tối thiểu, xây dựng trường, lớp, sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh cho trẻ và giáo viên.

+ Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. 100% các nhóm, lớp thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành; 100% các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ ngày, thực hiện Chương trình nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức lồng ghép các nội dung giáo dục văn hoá truyền thống, giáo dục kỹ năng sống vào các hoạt động giáo dục, các hoạt động ngoại khoá phù hợp với điều kiện cụ thể của các cơ sở GDMN

2. Phổ cập giáo dục tiểu học

*** Kết quả:**

- Số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 2330/2330 (đạt tỉ lệ 100%); số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 2132/2157 (đạt tỉ lệ 98,84%); số trẻ còn lại đang học tiểu học: 25 (chiếm tỉ lệ 1,06%); tổng số trẻ 11 đến 14 tuổi hoàn thành CT tiểu học: 8099/8187 (đạt tỉ lệ 99,06%); số trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 45/45 (đạt tỉ lệ 100%);

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3: 18/18 đơn vị (đạt tỉ lệ 100%, không có đơn vị cấp xã đạt mức độ 1, mức độ 2).

- Huyện đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3.

¹ Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục Đồ dùng – Đồ chơi – Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục Đồ dùng – Đồ chơi – Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT.

*** Điều kiện đảm bảo:**

+ *Về đội ngũ giáo viên và nhân viên:*

- Đủ giáo viên và nhân viên theo quy định². Cơ cấu số lượng theo môn học được đảm bảo đủ giáo viên môn cơ bản, giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục. Giáo viên ngoại ngữ (tiếng Anh) được bổ sung kịp thời, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu về đạt chuẩn khung năng lực ngôn ngữ châu Âu.

- 531/531 giáo viên (100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó giáo viên trên chuẩn 526/531 (99,06%); 531/531 giáo viên (100%) đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Các cơ sở giáo dục đã cử cán bộ, giáo viên theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại các thôn, tổ dân phố.

+ *Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:*

- Huyện có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập GDTH theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn;

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập GDTH có:

+ Số phòng học đạt tỷ lệ 1,0 phòng/lớp; phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội; phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên;

+ Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định³. Sân chơi và bãi tập đảm bảo đủ diện tích, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

+ Các cơ sở GDTH đều tích cực thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, đưa một số tiết học ra ngoài không gian lớp học. Đẩy mạnh việc xây dựng trường lớp Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, chú trọng đến việc xây dựng vườn trường để phục vụ dạy học trong đó có các hoạt động giáo dục kỹ năng sống..., đổi mới không gian lớp học, tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp, giáo viên tự nguyện, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phụ huynh học sinh đồng thuận.

3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

*** Kết quả**

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp THCS: 7236/7429 (đạt tỉ lệ 97,40%); số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GD nghề nghiệp: 6641/7236 (đạt tỉ lệ 89,39%); số thanh thiếu niên khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 23/23 (đạt tỉ lệ 100%).

² Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

³ Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;.

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 3: 18/18 đơn vị (đạt tỉ lệ 100%), không có đơn vị đạt mức độ 2.

- Huyện đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 3.

*** Điều kiện đảm bảo**

+ Về đội ngũ giáo viên và nhân viên:

- Đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng⁴. 419/419 giáo viên (100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở (THCS), trong đó có 329/419 (78,52%) đạt trình độ trên chuẩn. 419/419 (100%) giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS.

- Các đơn vị có phân công người theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại các thôn, tổ dân phố.

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Huyện có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập trung học cơ sở theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn;

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập GD THCS có:

+ Số phòng học đạt tỷ lệ ít nhất 1,0 phòng/lớp; phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm;

+ Đủ thiết bị dạy học tối thiểu⁵, thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện; Sân chơi và bãi tập đảm bảo đủ diện tích, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

4. Xóa mù chữ

*** Kết quả:**

- Số người trong độ tuổi (15-25; 15-35; 15-60) được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo mức độ:

Độ tuổi \ Mức độ	Số người được công nhận biết chữ mức độ 2		
	Tổng số	Số lượng	Tỉ lệ %
15 – 25 tuổi	20042	20042	100%
15 – 35 tuổi	43835	43835	100%
15 – 60 tuổi	89059	89059	100%

⁴ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

⁵ Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở.

- Số đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: 18/18 đơn vị (đạt tỉ lệ 100%).

*** Điều kiện đảm bảo**

+ *Về người tham gia dạy học xóa mù chữ:*

- Các đơn vị cấp xã bảo đảm huy động đủ người tham gia dạy học xóa mù chữ tại địa bàn là giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục khác, người đạt trình độ chuẩn được đào tạo⁶. Song tại thời điểm tháng 10 năm 2022 huyện Kim Bảng không có người mù chữ nên không tổ chức dạy học cho người mù chữ.

- Cơ sở giáo dục có người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại địa bàn được phân công.

+ *Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:*

Các đơn vị cấp xã bảo đảm điều kiện thuận lợi cho các lớp xóa mù chữ được sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục, trung tâm học tập cộng đồng, cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức khác và cá nhân trong địa bàn để thực hiện dạy học xóa mù chữ.

5. Kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Việc huy động các nguồn lực, tăng cường cơ sở vật chất (CSVC) cho giáo dục của địa phương, kết quả tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, đạt yêu cầu tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục mới. Phòng GDĐT tham mưu với UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn đầu tư bổ sung, nâng cấp xây mới, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng trường, lớp học theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa.

- Toàn ngành có 921 phòng học các cấp đều là phòng kiên cố đảm bảo cho hoạt động dạy và học: trong đó Mầm non có 318 phòng học, tỷ lệ 1,0 phòng/nhóm lớp; Tiểu học có 386 phòng học, tỷ lệ đạt 1,0 phòng/lớp; Trung học cơ sở có 217 phòng học, tỷ lệ đạt 1,0 phòng/lớp.

- Tổng số phòng học xây mới và sửa chữa là 101 phòng, trong đó xây mới 52 (MN: 24, TH: 23, THCS: 5) phòng trị giá 12.902 triệu đồng; sửa chữa 49 phòng trị giá 2.990 triệu đồng.

- Đóng mới 1.266 chỗ ngồi (tiểu học: 432, THCS: 834), kinh phí thực hiện 759,6 triệu đồng; sửa chữa 478 chỗ ngồi trị giá 143,4 triệu đồng.

- Các đơn vị mua sắm và bổ sung thiết bị, đồ dùng đồ chơi, máy tính đèn chiếu và các thiết bị khác phục vụ cho việc dạy và học tổng số tiền 540 đồng; trong đó Ngân sách nhà nước 520 triệu đồng, nguồn khác 120 triệu đồng.

6. Công tác phối hợp, thực hiện xã hội hóa đối với phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Ngành giáo dục có chương trình phối hợp với các ngành, hội, tổ chức đoàn thể trong các hoạt động giáo dục hoặc đầu tư, hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục góp phần tăng cường các điều kiện đảm bảo cho phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

III. Đánh giá công tác PCGD-XMC năm 2022 trên địa bàn huyện

1. Ưu điểm

⁶ Luật Giáo dục năm 2019; Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

- Về công tác chỉ đạo, quản lý, thực hiện PCGD-XMC: từ huyện đến cơ sở lưu trữ đầy đủ và bám sát các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh;
- Về tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm PCGD-XMC: bảo đảm đầy đủ các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên; các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho công tác PCGD-XMC.
- Về hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận PCGD-XMC: có đầy đủ hồ sơ PCGD-XMC, đảm bảo khớp số liệu giữa các loại hồ sơ; thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận PCGD-XMC.

2. Tồn tại

- Do sự thay đổi đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên làm công tác PCGD-XMC và việc bồi dưỡng, tập huấn chưa được kịp thời nên nghiệp vụ điều tra, thống kê PCGD-XMC còn hạn chế.
- Việc cập nhật số liệu trên hệ thống thông tin quản lý dữ liệu PCGD-XMC gặp nhiều khó khăn, do tốc độ đường truyền chậm, một số dữ liệu không cập nhật kịp thời.

3. Kết luận

- Tại thời điểm tháng 10 năm 2022, huyện Kim Bảng đã vẫn duy trì được các tiêu chí phổ cập giáo dục ở các cấp học và xóa mù chữ như đã được tỉnh Hà Nam công nhận năm 2021.
- Ủy Ban nhân dân huyện Kim Bảng trân trọng đề nghị UBND tỉnh Hà Nam: ban hành Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022; lập Tờ trình, hồ sơ công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022 đối với huyện Kim Bảng, với mức độ cụ thể như sau:
 - + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi;
 - + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;
 - + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3;
 - + Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Mục tiêu

Giữ vững và phát huy kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đã đạt được năm 2022; tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trong nhân dân, trong các tổ chức chính trị, xã hội. Huyện Kim Bảng tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển năng lực người học; đổi mới công tác quản lý theo hướng tăng tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở.

Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và các biện pháp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Tiếp tục thực hiện xây dựng và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia; làm tốt công tác duy trì sĩ số, hạn chế đến mức thấp nhất hiện tượng học sinh bỏ học ở các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về PCGD trong cán bộ, nhân dân, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức xã hội.
- Tập trung đầu tư các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục.
- + Phát triển và hoàn thiện mạng lưới trường lớp. Đẩy mạnh kiên cố hoá trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; xây mới các phòng thiết bị, thí nghiệm, thực hành theo đúng quy cách của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cung cấp trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu dạy và học.
- + Làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.
- + Các trường tổ chức khảo sát, phân loại học sinh, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng học sinh khá giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, huy động tối đa các học sinh trong độ tuổi phổ cập đến lớp, nâng cao hiệu quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Tăng cường duy trì chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia gắn liền với thực hiện nhiệm vụ PCGD ở các địa phương.
- + Tăng cường hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý PCGD; tiếp tục bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác PCGD.
- Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục nhằm huy động tốt mọi nguồn lực chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, trong đó có công tác PCGD. Gắn việc thực hiện PCGD với nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hà Nam;
- Sở GD&ĐT Hà Nam;
- TTHU, Lãnh đạo UBND huyện;
- BCĐ PCGD, XMC huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT, GDĐT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Tùng